

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 10 - 2022

V/v "*Tranh chấp về chia  
tài sản sau khi ly hôn*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trung Nam  
Ông Phạm Thuận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Lê Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2022/QĐXXST-DS ngày 15/9/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 183/2022/QĐST-DS ngày 30/9/2022 giữa các đương sự:

\* ***Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị B, sinh năm 1982, trú tại: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

\* ***Bị đơn:*** Ông Đặng H, sinh năm: 1980, địa chỉ: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* ***Theo Đơn khởi kiện ngày 06/6/2022, Bản trình bày ngày 20/7/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị B trình bày:***

Bà và ông Đặng H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đặng H và được Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng giải quyết theo Bản án số 02/2022/HNGĐ-ST ngày 16/02/2022. Tuy nhiên, bà chưa giải quyết vấn đề tài sản chung. Đến nay, bà và ông H vẫn không thể tự thỏa thuận được với nhau về tài sản nên bà yêu cầu Tòa án chia tài sản sau khi ly hôn. Bà xác định bà và ông Đặng H có tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y; địa chỉ: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR XYZ do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07.3.2014 cho ông Đặng H và bà.

Về nguồn gốc tài sản nêu trên như sau: Vào cuối năm 2013 bà và ông H mua 560.000.000 đồng, đầu năm 2014 sửa nhà hết 80.000.000 đồng. Nguồn tiền mua nhà, đất và sửa nhà là bà và ông Hào bán nhà tại Quảng Ngãi được 350.000.000 đồng, mượn bên ngoại 200.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L 40.000.000 đồng, chị Trần Thị Thu T 50.000.000 đồng.

Theo yêu cầu của bà, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu Công ty thẩm định giá để thẩm định giá tài sản nêu trên theo giá trị trường. Kết quả giá trị nhà và đất trên có giá trị theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung là 1.773.233.144đ, trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 1.539.770.758đ và giá trị công trình xây dựng là 233.462.386đ. Bà đồng ý và không có ý kiến gì.

Bà yêu cầu chia tài sản chung nêu trên theo tỷ lệ 60/40. Tuy nhiên, nay bà yêu cầu chia 50/50, bà được nhận 50% giá trị tài sản, tương ứng với số tiền 886.616.572 đồng và ông H được nhận 50% giá trị tài sản, tương ứng với số tiền là 886.616.572 đồng. Bà yêu cầu được nhận nhà, đất nêu trên và thời trả cho ông Đặng H số tiền là 886.616.572 đồng. Do bà là người có công sức đóng góp, xây dựng nhiều hơn ông H; từ trước đến nay và sau khi ly hôn, mọi việc trong gia đình, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung giao cho bà, ông H không cấp dưỡng nuôi con và chi phí sinh hoạt đều do bà gách vác; bà bán hàng online về đồ gia dụng và thực phẩm chức năng nên cũng có thu nhập và gia đình bên ngoại và bạn bè bà sẽ cho bà mượn để thời trả cho ông H.

Về nợ chung: Bà và ông Đặng H không có.

Về trình bày của ông H, bà có ý kiến: Từ tháng 6/2005 bà và ông H kết hôn đến khi ly hôn vào tháng 02/2022 ông H và bà hay một mình bà (do ông H đưa tiền hay tiền của bà và ông H) chưa bao giờ gửi tiết kiệm đứng tên bà tại Ngân hàng Quốc tế VIB Đà Nẵng. Ông H nói đưa số tiền 800.000.000 đồng cho bà để gửi tiết kiệm là sai sự thật. Bà và ông H cưới nhau được 1 cây vàng và đưa cho vợ chồng anh trai ông H là Đặng Văn H mượn, ông H đã trả được 5 chỉ vàng, còn nợ 5 chỉ nhưng bà không yêu cầu gì về vấn đề này. Vào tháng 5/2014 bà và ông H mượn Ngân hàng Sài gòn thương tín 300.000.000 đồng. Số tiền mượn này bà chuyển cho ông H vì lúc này ông H đang ở Quảng Ngãi, ông H tự trả cho chị Võ Thị A 50.000.000 đồng, anh Võ Văn N 100.000.000 đồng. Chị A, ông N là anh chị của bà, do mượn bà và ông H mượn để mua nhà, đất nêu trên. Còn 150.000.000 đồng bà và ông H cho mượn lấy lời, ông H trực tiếp đưa tiền cho mượn có chị A làm chứng; những người bà và ông H cho mượn là ông D, bà P mượn 50.000.000 đồng; bà M, ông V 50.000.000 đồng; bà H, ông T 50.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại bà và ông H cùng trả, đến nay không còn nợ ai để mua nhà, đất nêu trên. Những người mà bà và ông Hào cho mượn nêu trên do họ làm biển bị phá sản nên họ xin trả dần, bà và ông H đồng ý, còn họ có trả ông H thì bà không biết, về phần bà thì bà không yêu cầu họ trả. Bà và ông H còn cho một số người ở bến cá Cảng Thọ Quang mượn tiền nhưng họ có trả ông H thì bà không biết, về phần bà thì bà cũng không yêu cầu họ trả. Bà và ông H cho mượn đều không ghi giấy mượn nợ.

Khoảng 3 năm trở lại đây, bà không làm ở bến cá nữa vì ông H không cho bà làm, mọi giao dịch do ông H làm nên bà không yêu cầu họ trả và bà cũng không mượn ai và cũng không cùng ông H mượn ai một đồng nào ở bến cá hoặc ở ngoài. Ông H yêu cầu gì thì phải đưa ra tài liệu, chứng cứ.

***\* Theo Bản tự khai ngày 22/8/2022, Biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng H trình bày:***

Về chia tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y; địa chỉ: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR XYZ do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07.3.2014 cho ông và bà Võ Thị B. Về giá trị ông đồng ý việc Tòa án trưng cầu định giá tại tổ chức có chức năng thẩm định giá nhưng phải kiểm soát việc định giá để đảm bảo tính khách quan, đúng giá trị thật theo thị trường hiện nay để chia theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu Tòa án giao nhà cho ông để ở, ông được nhận 70% giá trị tài sản và bà B được nhận 30% giá trị tài sản; ông trả cho bà B 30% giá trị nhà đất, do nhà đất trên có được chủ yếu do ông đóng góp, mặt khác lỗi dẫn đến vỡ chồng ly hôn chủ yếu là do bà B gây nên, bà yêu cầu ly hôn làm gì tôi không biết.

Ngoài nhà đất nêu trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) mà trong thời gian hôn nhân ông đã đưa cho bà B gửi tiết kiệm tại Ngân hàng VIB chi nhánh tại số X đường N, Đà Nẵng. Ông đưa số tiền này lần thứ nhất là 500.000.000 đồng vào năm 2017; lần thứ hai là 300.000.000 đồng vào năm 2018. Ông đưa tiền và chở bà B lên Ngân hàng, ông không đứng tên, chỉ bà B đứng tên trong sổ tiết kiệm.

Ông đã đề nghị Tòa án xác minh tại Ngân hàng VIB chi nhánh tại số X đường N, Đà Nẵng về việc bà B gửi tiết kiệm. Ông làm tại Cảng xăng dầu nên có tiền; hàng tháng, hàng năm tôi đều đưa tiền chi tiêu sinh hoạt, từ việc nhỏ việc lớn. Khoảng tháng 5/2014 ông và bà B thế chấp tài sản trên để vay Ngân hàng Sài Gòn thương tín 300.000.000đồng, ông đã cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa và việc vay trên để bà B làm gì ông không biết, ông chỉ biết ký. Số tiền vay 300.000.000đồng bà B cầm ông không biết nhưng hàng tháng vẫn đưa tiền cho bà B trả đến khi lấy sổ về ông không biết. Năm 2019, 2020 ông hỏi sổ thì bà B có đưa, hiện ông đang giữ bản chính.

Đối với Chứng thư thẩm định giá số 5220115/CT-BCTĐG ngày 17/8/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung, kết quả thẩm định giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ 16 nêu trên là 1.773.233.144đ, trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 1.539.770.758đồng, giá trị công trình xây dựng là 233.462.386đồng thì tôi không quan tâm, không yêu cầu định giá lại. Vì tôi để nhà đất cho con.

Ông và bà Võ Thị B có nợ chung nhưng một mình ông chịu. Ông đưa tiền cho bà B gửi tiết kiệm thì phải chia đôi số tiền gửi tiết kiệm nêu trên.

*Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:*

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B về việc *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"* đối với ông Đặng H.

Giao cho bà Võ Thị B được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà tọa lạc trên lô đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y; địa chỉ: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR XYZ do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07.3.2014 cho ông Đặng H và bà Võ Thị B.

Bà Võ Thị B có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị tài sản nêu trên cho ông Đặng H là 886.616.572 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Võ Thị B có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Võ Thị B về việc *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"* với ông Đặng H là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung:**

#### **[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B:**

Bà Võ Thị B yêu cầu ly hôn với ông Đặng H và được Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng giải quyết theo Bản án số 02/2022/HNGĐ-ST ngày 16/02/2022. Tuy nhiên, bà B chưa giải quyết vấn đề tài sản chung và bà B, ông H vẫn không thể tự thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên bà B yêu cầu Tòa án chia tài sản sau khi ly hôn với ông H là 01 nhà và đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y; địa chỉ: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR XYZ do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07.3.2014 cho ông Đặng H và bà Võ Thị B.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và Công ty Cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung thẩm định giá tài sản nhà và đất trên theo giá trị trường. Kết quả giá trị quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất là **1.773.233.144 đồng** (*Một tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là 1.539.770.758đ và công trình xây dựng là 233.462.386đ. Bà Bé đồng ý với việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và kết quả thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung nêu trên, ông Đặng H đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó đã được thông báo về kết quả định giá nhưng ông cũng không có ý kiến gì về giá và không yêu cầu định giá lại mà có trình bày phải kiểm soát việc định giá để đảm bảo tính khách quan, đúng giá trị thật theo thị trường hiện nay để chia theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông yêu cầu thẩm định giá lại nhưng không làm thủ tục theo yêu cầu của Tòa án. Cũng trong quá trình, ông Hào đề nghị, yêu cầu Tòa án giao nhà cho ông để ở, ông được nhận 70% giá trị tài sản và bà B được nhận 30% giá trị tài sản do nhà đất trên có được chủ yếu do ông đóng góp, mặt khác lỗi dẫn đến vợ chồng ly hôn chủ yếu là do bà B gây nên, bà yêu cầu ly hôn làm gì ông không biết.

Xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân bà Võ Thị B và ông Đặng H đã tạo lập được tài sản chung là 01 ngôi nhà và đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y; địa chỉ: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, TP. Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR XYZ do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07.3.2014. Tài sản này đã được định giá theo giá thị trường bởi Công ty có chức năng thẩm định giá và kết quả thẩm định giá là 1.773.233.144 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 5220115/CT-BCTĐG ngày 17/8/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung nên có căn cứ giải quyết vụ án.

Xét, yêu cầu của bà Võ Thị B được nhận nhà, đất nêu trên và thời trả cho ông Đặng H 50% giá trị tài sản, tương đương với số tiền là 886.616.572 đồng thì thấy: Sau khi ly hôn, bà B được giao chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, ông H không cấp dưỡng nuôi con và hiện nay, bà B cùng 02 con chung thường xuyên ở nhà đất nêu trên; trong quá trình chung sống và sau khi ly hôn, mọi việc trong gia đình, chăm sóc con chung và chi phí sinh hoạt đều do bà B gách vác; bà bán hàng online về đồ gia dụng và thực phẩm chức năng nên cũng có thu nhập và gia đình bên ngoại và bạn bè bà sẽ cho bà mượn để thời trả cho ông H; ông H được Tòa án cấp tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng nhưng một số văn bản tố tụng không nhận hoặc đọc xong nhưng không ký nhận; không sửa đổi, bổ sung Thông báo nộp đơn yêu cầu khởi kiện, Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đề nghị định giá lại tài sản và vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 33, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B nên không chấp nhận đề nghị của ông H.

Giao cho bà Võ Thị B được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà tọa lạc trên lô đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y; địa chỉ: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR XYZ do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07.3.2014 cho ông Đặng H và bà Võ Thị B.

Bà Võ Thị B có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị tài sản cho ông Đặng H là 886.616.572 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Võ Thị B có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

[2.2] Đối với trình bày của ông Đặng H về việc chia đôi số tiền gửi tiết kiệm mà ông H đưa tiền cho bà B gửi tiết kiệm vào năm 2017, 2018 tại Ngân hàng TMCP Q thì thấy:

Theo Biên bản xác minh ngày 30/3/2022 tại Ngân hàng TMCP Q: Bà Võ Thị Bé, sinh năm 1982 có Giấy chứng minh nhân dân số ABC do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 26/8/2002 và số ABC1 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/9/2016 tại Ngân hàng Q không có thông tin gửi tiết kiệm từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2018. Ngoài ra, ông H đã được thông báo về việc nộp Đơn khởi kiện kèm các tài liệu, chứng cứ nhưng ông không nộp. HĐXX thấy rằng: Bà B cho rằng ông H vu khống, không có việc ông H đưa bà B tiền để gửi tiết kiệm. Tuy nhiên, trường hợp, ông H có yêu cầu chia tài sản chung (ngoài tài sản nêu trên) và nợ chung với bà B thì ông có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

### **[3] Về chi phí tố tụng:**

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, chi phí thẩm định giá là 14.000.000 đồng; tổng cộng 17.000.000 đồng: Bà B, ông H mỗi người phải chịu 8.500.000 đồng. Bà B đã tạm ứng và chi phí xong, ông H phải trả lại cho bà B.

### **[4] Về án phí sơ thẩm:**

Bà Võ Thị B phải chịu 38.598.000 đồng (án phí dân sự sơ thẩm về giá trị tài sản thực nhận) và ông Đặng H phải chịu 38.598.000 đồng (án phí dân sự sơ thẩm về giá trị tài sản thực nhận).

[5] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 33, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B đối với ông Đặng H về việc *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"*.

**Tuyên xử:**

Giao cho bà Võ Thị B được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà tọa lạc trên lô đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ Y; địa chỉ: Số KX đường P, Tổ Y phường T, quận T, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR XYZ do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07.3.2014 cho ông Đặng H và bà Võ Thị B.

Bà Võ Thị B có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị tài sản cho ông Đặng H là 886.616.572 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Võ Thị B có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**2.** Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Bà Võ Thị B phải chịu 8.500.000 đồng, ông Đặng H phải chịu 8.500.000 đồng. Bà B đã tạm ứng và chi xong; ông H phải trả lại cho bà B số tiền là 8.500.000 đồng.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.598.000 đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 19.500.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002793 ngày 08.6.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Bà B còn phải nộp 19.098.000 đồng (Mười chín triệu, không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Ông Đặng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.598.000 đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn đồng).

**4.** Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/10/2022; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án*

*dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Diệp**